

Sử dụng

MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CTĐT 2017

Chuẩn bị: Phòng Đào tạo Đại học

Cấu trúc đề cương học phần

- ▣ Thông tin tổng quát (General Information)
- ▣ Mô tả học phần (Course Description)
- ▣ Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của học phần (Goal and Learning Outcome)
- ▣ Tài liệu học tập (Textbook and Reference)
- ▣ Cách đánh giá học phần (Course Assessment)
- ▣ Kế hoạch giảng dạy (Lesson Plan)
- ▣ Qui định của học phần (Course Requirement)
- ▣ Ngày phê duyệt (Approved Date)
- ▣ Quá trình cập nhật (Update Reference)

Thông tin tổng quát

▣ Cung cấp các thông tin tổng quát

EM4218 HỆ THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	
1. THÔNG TIN CHUNG	
Tên học phần:	Hệ thống thông tin quản lý (<i>Management Information System</i>)
Mã số học phần:	EM4218
Khối lượng:	3(3-1-0-6) <ul style="list-style-type: none">- Lý thuyết: 45 tiết- Bài tập/BTL: 15 tiết (<i>nếu có bài tập lớn cần ghi rõ</i>)- Thi nghiệm: 0 tiết
Học phần tiên quyết:	<ul style="list-style-type: none">- AB1234: Abc abc- AB1235: Abc abdef
Học phần học trước:	<ul style="list-style-type: none">- IT1110: Tin học đại cương- EM11300: Nhập môn Quản trị kinh doanh
Học phần song hành:	Không

○ Về cách đánh số phiên bản

- ▣ Số đầu tiên [2017]: năm đề cương được phê duyệt để đưa vào sử dụng lần đầu
- ▣ Chỉ số tiếp theo [1]: chỉ số major sẽ tăng mỗi khi có sự thay đổi lớn của đề cương
 - Điều chỉnh thời lượng
 - Nội dung, hình thức tổ chức giảng dạy
 - Hình thức và trọng số đánh giá kết quả học phần
 - Bổ sung, điều chỉnh học phần điều kiện
- ▣ Chỉ số tiếp theo [0]: chỉ số minor sẽ tăng mỗi khi có sự thay đổi nhỏ

Mô tả học phần

- ▣ Giới thiệu tóm tắt về học phần
 - ◉ Sẽ sử dụng để công bố trên trang thông tin của Trường/Viện.
- ▣ Cần nêu được vai trò của học phần đối với CTDĐT
- ▣ Kiến thức và kỹ năng mà học phần có thể cung cấp cho sinh viên.
- ▣ Cần trình bày dễ hiểu để SV quyết định lựa chọn học phần

Tóm tắt
về học
phần

Kiến
thức, kỹ
năng

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên một cái nhìn khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở (máy tính điện tử, hệ thống đếm, hệ điều hành, internet, thư điện tử...) và tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo slide). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới CNTT, mà những sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT có thể đảm nhiệm.

Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thái độ cần thiết để làm việc trong công ty sau này.

Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (CĐR)

▣ Mục tiêu HP:

- Liệt kê một cách hệ thống các mục tiêu tổng quát của học phần, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của CTĐT (1.X.X÷4.X.X).
- Bắt đầu mỗi mục tiêu bằng những **động từ chủ động** (các mục tiêu ký hiệu bằng **M1, M2...**).
- Các mục tiêu nên được xác định thuộc các nhóm: Kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chỉ nên liệt kê 5÷8 mục tiêu.

▣ Chuẩn đầu ra HP:

- Liệt kê các mục tiêu HP thành các mục tiêu cụ thể
- Liệt kê mức độ giảng dạy: mức độ I/T/U xác định dựa vào mức đầu tư giảng dạy của giảng viên cho người học.
 - ▣ I - chỉ giới thiệu
 - ▣ T - giảng dạy
 - ▣ U - yêu cầu SV sử dụng, rèn luyện.
- Các chuẩn đầu ra của học phần sẽ ký hiệu tương ứng là M1.1, M1.2...M2.1, M2.2, M2.3...và phải đảm bảo phủ hết các mục tiêu của học phần.

Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (COPR)

▣ Giới thiệu I/T/U

- ◉ Trong khi thực hiện đề cương học phần, giảng viên cũng cần xác định trước những nội dung nào chỉ cần giới thiệu cho SV biết, những nội dung nào cần phải dạy để sinh viên nắm vững, những nội dung nào chỉ cần tạo cơ hội cho sinh viên trau dồi, trải nghiệm.

▣ Mục Giới thiệu (Introduce):

- ◉ Chỉ giới thiệu lướt qua về một chủ đề nào đó và thường không yêu cầu SV phải nhớ chi tiết về vấn đề này
- ◉ Thời lượng phần giới thiệu này thường trong vòng 1 tiết học trên lớp (lý thuyết/thảo luận/thực hành/thí nghiệm).
- ◉ Không có phần bài tập trên lớp/về nhà/bài tập lớn cụ thể cho phần giới thiệu này. Nội dung này thường không nằm trong nội dung kiểm tra đánh giá môn học.

Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (COPR)

▣ **Mức Dạy (Teach):**

- Truyền đạt cho SV một vấn đề mới và mong muốn SV đạt được một trình độ nhận thức nào đó.
- Thời lượng giảng dạy có thể trong nhiều tiết học trên lớp/thảo luận/thực hành/thí nghiệm.
- Có phần bài tập trên lớp/về nhà hoặc bài tập lớn về chủ đề này. Phần kiến thức này thường nằm trong nội dung kiểm tra đánh giá môn học.

Ví dụ: với một tiêu chí nào đó có mức T được hiểu là giảng viên có trình bày rõ ràng và đầy đủ phần qui trình thiết kế cho SV và SV cũng có quá trình để vận dụng/thực hành qui trình thiết kế này thông qua các bài tập, tiểu luận.

▣ **Mức Sử dụng/Vận dụng (Utilize):**

- Mặc định là SV đã biết về một vấn đề nào đó ở một cấp độ nhất định.
- Dù không được giảng dạy và đề cập đến, nhưng SV phải có khả năng sử dụng phần kiến thức mặc định này để giải quyết một bài toán được cho.
- Không có phần bài tập cụ thể cũng như không có hình thức đánh giá rõ ràng về những phần kiến thức mặc định này.

Ví dụ: sau khi học về một vấn đề nào đó thì SV được yêu cầu thực hiện một bài thuyết trình báo cáo về vấn đề được giao. Tuy nhiên phần kỹ năng thuyết trình, các bước trình bày không được đề cập đến vì giảng viên xem như sinh viên đã có những phần kỹ năng này.

Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (CDR)

Các CDR của CTĐT mà mục tiêu HP đáp ứng được

Mức độ giảng dạy

3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

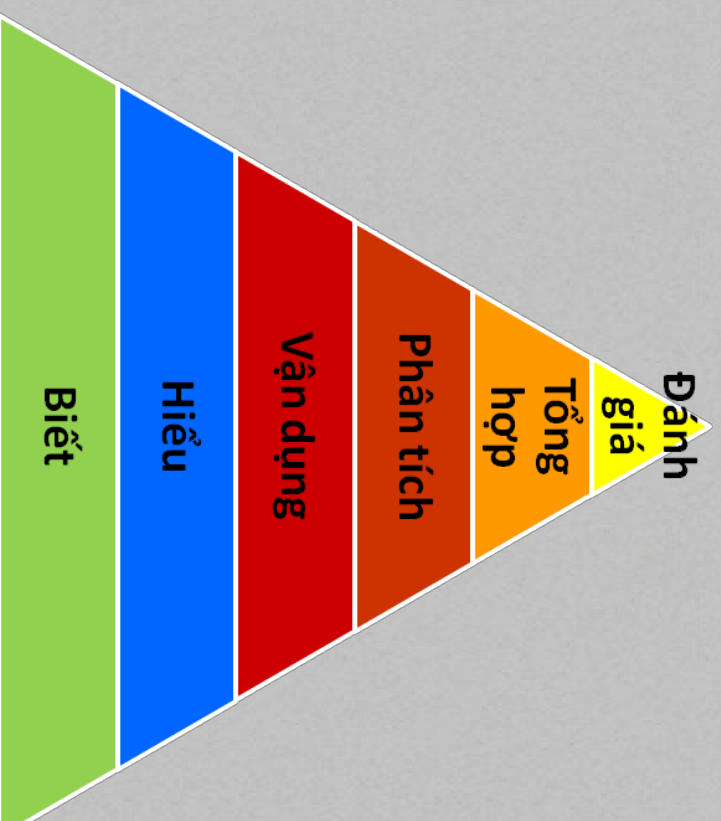
Mục tiêu/CDR	Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần	CDR được phân bổ cho HP/ Mức độ (T/T/U)
[1]	[2]	[3]
M1	Hiểu và có khả năng thiết kế và quản lý các hệ thống thông tin trong các tổ chức	1.1.4; 2.3.3; 3.1.4
M1.1	Nhận diện và hiểu rõ các thành phần của hệ thống thông tin	[1.1.4] (I)
M1.2	Nhận diện, so sánh và phân loại được các dạng thông tin và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	[1.1.4] (T)
M1.3	Có khả năng thiết kế hệ thống thông tin hỗ trợ truyền tải và trình bày dữ liệu, thông tin và tri thức trong tổ chức	[2.3.3; 3.1.4] (TU)
M2	Nhận diện và làm chủ được các cơ hội trên thị trường do công nghệ thông tin đem lại để phát triển tổ chức sẵn có và tạo ra các tổ chức mới	1.1.4; 3.1.5; 4.1.4; 5.1.4
M2.1	Hiểu và vận dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin	[1.1.4; 3.1.5] (T)

Các mục tiêu

Các CDR của HP

Thang nhận thức Bloom (tham khảo)

- ▣ Mục tiêu/Chuẩn đầu ra cụ thể viết dựa trên thang đo mức độ nhận thức Bloom.
- ▣ Khi viết cần xác định sinh viên khi kết thúc học phần/chương trình đào tạo sẽ đạt mức nhận thức nào tương ứng với các mức nhận thức sau:



Thang đo mức nhận thức Bloom

Thang nhận thức Bloom (tham khảo)

▣ Diễn giải

Mức nhận thức	Diễn giải	Các động từ tương ứng thường dùng
1. Biết (Knowledge)	Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc... đã được học. Ví dụ: lặp lại đúng một định luật mà chưa cần phải giải thích hay sử dụng định luật ấy	liệt kê, định nghĩa, mô tả, gọi tên, phân thảo, trình bày, phân loại, đối chiếu, nhắc lại ...
2. Hiểu (Comprehension)	Ở cấp độ nhận thức này người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ. Ví dụ: Giải thích một định luật, phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một chương mục, trình bày một quan điểm.	diễn giải, phân biệt, phân loại, chứng tỏ, trình bày lại, tóm tắt, giải thích, cho ví dụ, mô tả, so sánh, mở rộng, khái quát hóa, ước lượng...
3. Áp dụng/Vận dụng (Application)	Người học có khả năng áp dụng thông tin đã biết vào vào những hoàn cảnh mới, tình huống mới, điều kiện mới, giải quyết các vấn đề đặt ra. Ví dụ: Vận dụng một định luật để giải thích một hiện tượng; áp dụng các công thức, các định lý để giải một bài toán; thực hiện một thí nghiệm dựa trên một qui trình	Áp dụng, vận dụng, chứng minh, tính toán, chứng minh, giải quyết, xây dựng, phát triển, phát hiện, khai thác, kiểm tra, thực nghiệm, nhận biết, minh họa, lập kế hoạch, trình diễn, phân hóa, sử dụng,

Thang nhận thức Bloom (tham khảo)

▣ Diễn giải

Mức nhận thức	Diễn giải	Các động từ tương ứng thường dùng
4. Phân tích (Analysis)	Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng. Ví dụ: Lý giải nguyên nhân thất bại của một doanh nghiệp, hệ thống hóa các văn bản pháp qui, xây dựng biểu đồ phát triển của một doanh nghiệp.	Phân tích, lý giải, so sánh, lập biểu đồ, phân biệt, hệ thống hóa...
5. Tổng hợp (Synthesis)	Tổng hợp là năng lực liên kết các thông tin lại với nhau tạo ra ý tưởng mới, khái quát hóa các thông tin suy ra các hệ quả.	Thảo luận, lập kế hoạch, so sánh, tạo mới xây dựng, sáng tác, thiết kế, phát triển, báo cáo...
6. Đánh giá (Evaluation)	Người học có khả năng đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có. Ví dụ: Phán biện một nghiên cứu, một bài báo; đánh giá khả năng thành công của một giải pháp; chỉ ra các điểm yếu của một lập luận.	Đánh giá, cho ý kiến, bình luận, tổng hợp, so sánh, tranh luận, hỗ trợ cho lý do/lập luận, kết luận, định lượng, xếp loại, đánh giá, lựa chọn, ước tính, phán xét, bảo vệ, định giá...

Tài liệu học tập

▣ Liệt kê các giáo trình chính thức và tài liệu mà SV có thể sử dụng

- Lưu ý: viết đúng cấu trúc qui định

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Giáo trình

- [1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Tên nhà xuất bản.
- [2]

Sách tham khảo

- [1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên sách tham khảo*. Tên nhà xuất bản.
- [2]
- [3]
- [4]
- [5]

Đánh giá học phần

- ▣ Nêu phương thức đánh giá, trọng số và CDR tương ứng của HP được đánh giá

5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá cụ thể	Mô tả	CDR được đánh giá	Tỷ trọng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
A1. Điểm quá trình (*)	Đánh giá quá trình			40%
	A1.1. Thảo luận trên lớp	Thuyết trình	M1.1; M1.2; M2.2; M3.2	10%
	A1.2. Bài tập về nhà	Tự luận	M1.2; M2.1; M3.1	10%
	A1.3. Bài tập nhóm	Báo cáo	M1.2	20%
A2. Điểm cuối kỳ	A2.1. Thi cuối kỳ	Thi viết	M2.1÷M2.2	60%
			M3.2÷M3.6	
			M4.1÷M4.5	

* Điểm quá trình sẽ được điều chỉnh bằng cách cộng thêm điểm chuyên cần. Điểm chuyên cần có giá trị từ -2 đến +1, theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

Đánh giá học phần

- ▣ Nêu phương thức đánh giá, trọng số và CDR tương ứng của HP được đánh giá
 - ◉ [1]: Các thành phần đánh giá của học phần bao gồm (đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ).
 - ◉ [2]: Phương pháp đánh giá cụ thể bao gồm (tùy học phần): tham dự lớp học đầy đủ hay không, chuyên cần, thái độ học tập, bài tập cá nhân trên lớp, bài tập cá nhân về nhà, bài tập nhóm trên lớp, bài tập nhóm về nhà, bài tập thuyết trình cá nhân trên lớp, bài tập thuyết trình nhóm trên lớp, đồ án, bài kiểm tra/thi giữa kỳ (trắc nghiệm/tự luận,...), bài thi cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận,...).
 - ◉ [3]: Mô tả hình thức đánh giá.
 - ◉ [4]: Nội dung đánh giá nhằm đánh giá chuẩn đầu ra nào của học phần.
 - ◉ [5]: Liệt kê trọng số của các thành phần điểm.

Kế hoạch giảng dạy

- ▣ Đề cương chi tiết của học phần + Kế hoạch giảng dạy

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần	Nội dung	CBDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin 1.1 Thời đại thông tin 1.2 Khái niệm Hệ thống thông tin quản lý 1.3 Vai trò và tác động của các HTTT trong doanh nghiệp 1.4 Xu hướng phát triển của CNTT và truyền thông	M1.1 M2.2 M3.2	Giảng bài	A2.1
2	Chương 2: Cơ sở hạ tầng công nghệ của hệ thống thông tin 2.1. Phần cứng 2.2. HT truyền thông	M1.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	A2.1

Đề
cương
chi tiết

Nội
dung
này sẽ
được
đánh giá
bằng
phương
pháp
A2.1
(thi cuối
kỳ)

Kế hoạch giảng dạy

▣ Kế hoạch giảng dạy

- Gồm đề cương chi tiết liệt kê nội dung giảng dạy lý thuyết theo chương, mục; nội dung giảng dạy thực hành theo bài thực hành
- Mỗi nội dung giảng dạy đáp ứng CDR nào của học phần (MX.x)
- Liệt kê phương pháp đánh giá (Ax.x) sẽ sử dụng để đánh giá nội dung giảng dạy này
- Đồng thời chỉ rõ hoạt động dạy/học của giảng viên/sinh viên.

▣ Mô tả

- [1]: Tuần theo học kỳ
- [2]: Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.
- [3]: Liệt kê CDR liên quan của học phần (MX.x).
- [4]: Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu). Có thể có các hoạt động sau:
 - ▣ Dạy; Học ở lớp; Học ở nhà; Thuyết giảng; Thảo luận; Trình bày nhóm; Thuyết trình; Hướng dẫn...
- [5]: Liệt kê các phương pháp đánh giá sẽ sử dụng (Ax.x)

Quy định của HP và phê duyệt

▣ Quy định của học phần

- ◉ Liệt kê các quy định của học phần nếu có
- ◉ Cần phù hợp với Quy chế đào tạo

Ví dụ:

Sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài và điểm quá trình là điểm F; sinh viên vắng từ 2 buổi thực hành thì điểm quá trình là điểm F...

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(Các quy định của học phần nếu có)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Chủ tịch Hội đồng



PGS. Nguyễn Văn A

Nhóm xây dựng đề cương



PGS. Trần Văn B

TS. Đỗ Xuân A

Quá trình cập nhật

9. QUÁ TRÌNH CẬP NHẬT

Lần cập nhật	Nội dung điều chỉnh	Ngày tháng được phê duyệt	Áp dụng từ kỳ/khóa	Ghi chú
1			
2			

- ▣ Mục đích để theo dõi được quá trình điều chỉnh của học phần
- ▣ Mỗi khi có điều chỉnh bất cứ nội dung nào của đề cương cần ghi vào bảng này
 - Nội dung điều chỉnh: ghi các điều chỉnh đã thực hiện so với phiên bản trước
 - Ngày tháng được phê duyệt: ghi ngày tháng mà các điều chỉnh này được phê duyệt
 - Áp dụng từ kỳ/khóa: cần ghi rõ các điều chỉnh này có hiệu lực đối với các khóa nào và bắt đầu từ kỳ nào
 - Ghi chú: ghi phiên bản của đề cương (version mấy) và các ghi chú khác

CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

